

Số: 10/2022/QĐST-DS

Sông Mã, ngày 27 tháng 7 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 19 tháng 7 năm 2022, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 24/2022/TLST-DS, ngày 28 tháng 02 năm 2022.

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là hoàn toàn tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

*Đồng nguyên đơn:* Ông Lường Văn Khn, sinh năm 1956 và bà Lò Thị Kh, sinh năm 1958; địa chỉ: Bản B, xã Chiềng Kh, huyện Sông M, tỉnh Sơn La.

*Đồng Bị đơn:* Ông Lường Văn H, sinh năm 1974 và bà Lường Thị Cg, sinh năm 1982; địa chỉ: Bản B, xã Chiềng Kh, huyện Sông M, tỉnh Sơn La.

**2. Sự thỏa thuận của đương sự cụ thể như sau:**

**\* Ông Lường Văn Kh và bà Lò Thị Kh được quyền quản lý, sử dụng gồm:**

+ Thửa số 498, tờ bản đồ số 6, khu Huổi Bó, diện tích là 2.812,8m<sup>2</sup>; loại đất trồng cây hàng năm khác.

- Thửa số 273, tờ bản đồ số 129, Đồng Huổi Bó, diện tích là 209,3m<sup>2</sup>; loại đất trồng lúa.

- Thửa số 569, tờ bản đồ số 117, khu Giáp bản, diện tích là 385,2m<sup>2</sup>; đất nuôi trồng thủy sản.

Cả 03 thửa đất trên tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL770771 được UBND huyện Sông Mã cấp ngày 28/8/2010 mang tên hộ gia đình ông Lường Văn H và bà Lường Thị C.

- Thửa đất số 50, tờ bản đồ số 116, diện tích 1557,0m<sup>2</sup>, loại đất trồng cây lâu năm, tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL770770 được UBND huyện Sông Mã cấp ngày 28/8/2010 mang tên hộ gia đình ông Lường Văn H và bà Lường Thị C; Có tứ cận tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp đất ông Lường Văn Kh; Phía Nam giáp đường đi liên bản; Phía đông giáp đất ông Lường Văn H; Phía Tây giáp đường lô và đất ông Tòng Văn L (có sơ đồ kèm theo).

Ông Lường Văn Kh và bà Lò Thị Kh có trách nhiệm liên hệ với cơ quan quản lý Nhà nước về đất đai để thực hiện việc đăng ký biến động quyền sử dụng đất và cấp giấy CNQSDĐ theo quy định.

**\* Ông Lường Văn H và bà Lường Thị C được quyền quản lý, sử dụng gồm:**

- Thửa đất 35, tờ bản đồ 166, diện tích 400m<sup>2</sup>, loại đất ONT và diện tích 70,6m<sup>2</sup>, loại đất trồng cây lâu năm tại thửa số 50, tờ bản đồ số 116, tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL770770 được UBND huyện Sông Mã cấp ngày 28/8/2010 mang tên hộ gia đình ông Lường Văn H và bà Lường Thị C. Có tứ cận tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp đất ông Lường Văn Kh; Phía Nam giáp đường đi liên bản; Phía đông giáp đất ông Lò Văn L; Phía Tây giáp đất ông Lường Văn Kh (có sơ đồ kèm theo).

- 63 thửa đất còn lại, có tổng diện tích là 67.997,8m<sup>2</sup> tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL770771 được UBND huyện Sông Mã cấp ngày 28/8/2010 mang tên hộ gia đình ông Lường Văn H và bà Lường Thị C. Cụ thể như sau:

- Thửa số 342, tờ bản đồ số 6, khu Huổi Bó, diện tích là 3931,6m<sup>2</sup>; loại đất trồng cây hàng năm khác.

+ Thửa số 122, tờ bản đồ số 7, khu Huổi Bó, diện tích là 7141,7m<sup>2</sup>; loại đất trồng cây hàng năm khác.

+ Thửa số 55, tờ bản đồ số 10, khu Huổi Bó, diện tích là 15414,0m<sup>2</sup>; loại đất trồng cây hàng năm khác.

+ Thửa số 168, tờ bản đồ số 116, Đồng Huổi Bó, diện tích là 17,3m<sup>2</sup>; loại đất trồng lúa.

+ Thửa số 169, tờ bản đồ số 116, Đồng Huổi Bó, diện tích là 23,6m<sup>2</sup>; loại đất trồng lúa.

+ Thửa số 170, tờ bản đồ số 116, Đồng Huổi Bó, diện tích là 79,8m<sup>2</sup>; loại đất trồng lúa.

+ Thửa số 171, tờ bản đồ số 116, Đồng Huổi Bó, diện tích là 73,9m<sup>2</sup>; loại đất trồng lúa.

- + Thửa số 203, tờ bản đồ số 116, Đồng Huổi Bó, diện tích là 32,2m<sup>2</sup>; loại đất trồng lúa.
- + Thửa số 204, tờ bản đồ số 116, Đồng Huổi Bó, diện tích là 123,9m<sup>2</sup>; loại đất trồng lúa.
- + Thửa số 83, tờ bản đồ số 117, Đồng Huổi Bó, diện tích là 44,7m<sup>2</sup>; loại đất trồng lúa.
- + Thửa số 85, tờ bản đồ số 117, Đồng Huổi Bó, diện tích là 25,8m<sup>2</sup>; loại đất trồng lúa.
- + Thửa số 104, tờ bản đồ số 117, Đồng Huổi Bó, diện tích là 67,3m<sup>2</sup>; loại đất trồng lúa.
- + Thửa số 120, tờ bản đồ số 117, Đồng Huổi Bó, diện tích là 110,4m<sup>2</sup>; loại đất trồng lúa.
- + Thửa số 121, tờ bản đồ số 117, Đồng Huổi Bó, diện tích là 35,9m<sup>2</sup>; loại đất trồng lúa.
- + Thửa số 124, tờ bản đồ số 117, Đồng Huổi Bó, diện tích là 24,3m<sup>2</sup>; loại đất trồng lúa.
- + Thửa số 125, tờ bản đồ số 117, Đồng Huổi Bó, diện tích là 115,0m<sup>2</sup>; loại đất trồng lúa.
- + Thửa số 126, tờ bản đồ số 117, Đồng Huổi Bó, diện tích là 13,0m<sup>2</sup>; loại đất trồng lúa.
- + Thửa số 127, tờ bản đồ số 117, Đồng Huổi Bó, diện tích là 37,8m<sup>2</sup>; loại đất trồng lúa.
- + Thửa số 156, tờ bản đồ số 117, Đồng Huổi Bó, diện tích là 213,4m<sup>2</sup>; loại đất trồng lúa.
- + Thửa số 157, tờ bản đồ số 117, Đồng Huổi Bó, diện tích là 107,7m<sup>2</sup>; loại đất trồng lúa.
- + Thửa số 158, tờ bản đồ số 117, Đồng Huổi Bó, diện tích là 100,1m<sup>2</sup>; loại đất trồng lúa.
- + Thửa số 159, tờ bản đồ số 117, Đồng Huổi Bó, diện tích là 193,3m<sup>2</sup>; loại đất trồng lúa.
- + Thửa số 160, tờ bản đồ số 117, Đồng Huổi Bó, diện tích là 50,0m<sup>2</sup>; loại đất trồng lúa.
- + Thửa số 161, tờ bản đồ số 117, Đồng Huổi Bó, diện tích là 98,9m<sup>2</sup>; loại đất trồng lúa.
- + Thửa số 166, tờ bản đồ số 117, Đồng Huổi Bó, diện tích là 62,3m<sup>2</sup>; loại đất trồng lúa.

+ Thửa số 511, tờ bản đồ số 117, Giáp bản, diện tích là 15168,7m<sup>2</sup>; loại đất trồng cây hàng năm khác.

+ Thửa số 230, tờ bản đồ số 129, Đồng Huổi Bó, diện tích là 21,9m<sup>2</sup>; loại đất trồng lúa.

+ Thửa số 231, tờ bản đồ số 129, Đồng Huổi Bó, diện tích là 22,5m<sup>2</sup>; loại đất trồng lúa.

+ Thửa số 232, tờ bản đồ số 129, Đồng Huổi Bó, diện tích là 65,4m<sup>2</sup>; loại đất trồng lúa.

+ Thửa số 233, tờ bản đồ số 129, Đồng Huổi Bó, diện tích là 53,0m<sup>2</sup>; loại đất trồng lúa.

+ Thửa số 234, tờ bản đồ số 129, Đồng Huổi Bó, diện tích là 45,9m<sup>2</sup>; loại đất trồng lúa.

+ Thửa số 235, tờ bản đồ số 129, Đồng Huổi Bó, diện tích là 36,5m<sup>2</sup>; loại đất trồng lúa.

+ Thửa số 236, tờ bản đồ số 129, Đồng Huổi Bó, diện tích là 27,7m<sup>2</sup>; loại đất trồng lúa.

+ Thửa số 254, tờ bản đồ số 129, Đồng Huổi Bó, diện tích là 27,2m<sup>2</sup>; loại đất trồng lúa.

+ Thửa số 255, tờ bản đồ số 129, Đồng Huổi Bó, diện tích là 54,0m<sup>2</sup>; loại đất trồng lúa.

+ Thửa số 256, tờ bản đồ số 129, Đồng Huổi Bó, diện tích là 39,2m<sup>2</sup>; loại đất trồng lúa.

+ Thửa số 257, tờ bản đồ số 129, Đồng Huổi Bó, diện tích là 92,1m<sup>2</sup>; loại đất trồng lúa.

+ Thửa số 258, tờ bản đồ số 129, Đồng Huổi Bó, diện tích là 35,7m<sup>2</sup>; loại đất trồng lúa.

+ Thửa số 259, tờ bản đồ số 129, Đồng Huổi Bó, diện tích là 29,6m<sup>2</sup>; loại đất trồng lúa.

+ Thửa số 260, tờ bản đồ số 129, Đồng Huổi Bó, diện tích là 30,7m<sup>2</sup>; loại đất trồng lúa.

+ Thửa số 261, tờ bản đồ số 129, Đồng Huổi Bó, diện tích là 152,7m<sup>2</sup>; loại đất trồng lúa.

+ Thửa số 262, tờ bản đồ số 129, Đồng Huổi Bó, diện tích là 33,2m<sup>2</sup>; loại đất trồng lúa.

+ Thửa số 263, tờ bản đồ số 129, Đồng Huổi Bó, diện tích là 29,0m<sup>2</sup>; loại đất trồng lúa.

- + Thửa số 264, tờ bản đồ số 129, Đồng Huổi Bó, diện tích là 91,0m<sup>2</sup>; loại đất trồng lúa.
- + Thửa số 265, tờ bản đồ số 129, Đồng Huổi Bó, diện tích là 137,9m<sup>2</sup>; loại đất trồng lúa.
- + Thửa số 266, tờ bản đồ số 129, Đồng Huổi Bó, diện tích là 154,1m<sup>2</sup>; loại đất trồng lúa.
- + Thửa số 267, tờ bản đồ số 129, Đồng Huổi Bó, diện tích là 51,4m<sup>2</sup>; loại đất trồng lúa.
- + Thửa số 268, tờ bản đồ số 129, Đồng Huổi Bó, diện tích là 42,6m<sup>2</sup>; loại đất trồng lúa.
- + Thửa số 269, tờ bản đồ số 129, Đồng Huổi Bó, diện tích là 85,5m<sup>2</sup>; loại đất trồng lúa.
- + Thửa số 270, tờ bản đồ số 129, Đồng Huổi Bó, diện tích là 86,8m<sup>2</sup>; loại đất trồng lúa.
- + Thửa số 271, tờ bản đồ số 129, Đồng Huổi Bó, diện tích là 69,7m<sup>2</sup>; loại đất trồng lúa.
- + Thửa số 272, tờ bản đồ số 129, Đồng Huổi Bó, diện tích là 24,3m<sup>2</sup>; loại đất trồng lúa.
- + Thửa số 274, tờ bản đồ số 129, Đồng Huổi Bó, diện tích là 93,9m<sup>2</sup>; loại đất trồng lúa.
- + Thửa số 275, tờ bản đồ số 129, Đồng Huổi Bó, diện tích là 123,4m<sup>2</sup>; loại đất trồng lúa.
- + Thửa số 276, tờ bản đồ số 129, Đồng Huổi Bó, diện tích là 64,9m<sup>2</sup>; loại đất trồng lúa.
- + Thửa số 277, tờ bản đồ số 129, Đồng Huổi Bó, diện tích là 60,0m<sup>2</sup>; loại đất trồng lúa.
- + Thửa số 278, tờ bản đồ số 129, Đồng Huổi Bó, diện tích là 71,4m<sup>2</sup>; loại đất trồng lúa.
- + Thửa số 279, tờ bản đồ số 129, Đồng Huổi Bó, diện tích là 67,8m<sup>2</sup>; loại đất trồng lúa.
- + Thửa số 280, tờ bản đồ số 129, Đồng Huổi Bó, diện tích là 160,6m<sup>2</sup>; loại đất trồng lúa.
- + Thửa số 281, tờ bản đồ số 129, Đồng Huổi Bó, diện tích là 62,5m<sup>2</sup>; loại đất trồng lúa.
- + Thửa số 282, tờ bản đồ số 129, Đồng Huổi Bó, diện tích là 30,5m<sup>2</sup>; loại đất trồng lúa.

+ Thửa số 283, tờ bản đồ số 129, Đồng Huổi Bó, diện tích là 59,5m<sup>2</sup>; loại đất trồng lúa.

+ Thửa số 284, tờ bản đồ số 129, Đồng Huổi Bó, diện tích là 22357,1m<sup>2</sup>; loại đất trồng cây hàng năm khác.

Ông Lường Văn H và bà Lường Thị Cg có trách nhiệm liên hệ với cơ quan quản lý Nhà nước về đất đai để thực hiện việc đăng ký biến động quyền sử dụng đất và cấp lại giấy CNQSDĐ theo quy định.

- Về án phí: Ông Lường Văn Kh nộp án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0001652, ngày 28/02/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Ông Lường Văn Kh được hoàn trả lại số tiền 150.000 đồng.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Sông Mã;
- Chi cục THADS huyện Sông Mã;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Lô Văn Long**